

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ

Hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2009

Địa chỉ Trụ sở chính: 46-48-50 Phạm Hồng Thái, Quận 1
TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 84 8 38224995, **Fax:** 84 8 38230131
Mã SWIFT: IABBVNVX
Trang Web: www.indovinabank.com.vn

Ghi chú:

1. Biểu phí dịch vụ có thể thay đổi không cần báo trước.
2. **Mức phí không bao gồm thuế GTGT.**
3. Mức phí không bao gồm phí của bên cung cấp dịch vụ trung gian.
4. Phí đã thu sẽ không hoàn lại, ngay cả khi giao dịch bị hủy theo lệnh của khách hàng.

I. TÀI KHOẢN TIỀN GỬI THANH TOÁN VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC

A. Mở và quản lý tài khoản

1. Số dư tiền gửi tối thiểu và số dư tiền gửi bình quân hàng tháng
 - a. Tiền Đồng.....55.000 Đồng
 - b. Đô-la Mỹ và các ngoại tệ khác 10 Đô-la Mỹ hoặc tương đương
2. Quản lý tài khoản
 - a. Tài khoản có số dư tiền gửi bình quân hàng tháng theo quy địnhMiễn phí
 - b. Tài khoản có số dư tiền gửi bình quân hàng tháng dưới mức quy định
 - Tiền Đồng..... 10.000 Đồng
 - Đô-la Mỹ và các ngoại tệ khác 2 Đô-la Mỹ hoặc tương đương
3. Phí đóng tài khoản
 - a. Từ 12 tháng trở lên.....Miễn phí
 - b. Trong vòng 12 tháng
 - Tiền Đồng.....20.000 Đồng
 - Đô-la Mỹ và các ngoại tệ khác 2 Đô-la Mỹ hoặc tương đương
4. Sao kê định kỳ tài khoản và giấy báo có / báo nợ
 - a. Nhận tại quầyMiễn phí
 - b. Gửi qua email, bưu điện, fax trong nước 20.000 Đồng / lần
 - c. Gửi qua bưu điện, fax ngoài nước..... 5 Đô-la Mỹ / lần
5. Sao kê đột xuất tài khoản và giấy báo có/ báo nợ (sao kê lại hoặc sao kê giao dịch cũ trên 1 năm)
 - a. Nhận tại quầy..... 10.000 Đồng / trang
 - b. Gửi qua email, bưu điện, fax trong nước 20.000 Đồng / trang
..... cộng bưu phí 20.000 Đồng
 - c. Gửi qua bưu điện, fax ngoài nước..... 5 Đô-la Mỹ / trang
..... cộng bưu phí 5 Đô-la Mỹ

B. Gửi và rút tiền mặt

1. Gửi tiền mặt

- a. Vào tài khoản mở tại hệ thống IVB (ở tất cả các chi nhánh)
 - i. Tiền ĐồngMiễn phí
 - ii. Đô-la Mỹ
 - Tiền mệnh giá lớnMiễn phí
 - Tiền mệnh giá nhỏ..... 0,50% tối thiểu 5 Đô-la Mỹ
 - Tiền Đô-la Mỹ cũ..... 50.000 Đồng / tờ

- iii. Các ngoại tệ khác 1,00% tối thiểu 5 Đô-la Mỹ
- b. Gửi để chuyển tiền ra ngoài hệ thống IVB..... Áp dụng phí kiểm đếm tiền mặt (mục D1) và phí chuyển tiền (mục C)
- c. Gửi tiền ngoài giờ giao dịch thông thường..... Căn cứ theo thỏa thuận tối thiểu 50.000 đồng

2. Rút tiền mặt tại quầy

- a. Tiền Đồng.....Miễn phí
- b. Đô-la Mỹ..... 0,20% tối thiểu 2 Đô-la Mỹ
- c. Các ngoại tệ khác..... 0,50% tối thiểu 5 Đô-la Mỹ
- d. Rút tiền Đồng trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi gửi tiền..... Thu thêm phí kiểm đếm tiền mặt (mục D1)

C. Chuyển tiền

1. Chuyển tiền trong nước

- a. Giữ các tài khoản trong cùng chi nhánhMiễn phí
- b. Giữa các tài khoản khác chi nhánhMiễn phí
- c. Chuyển tiền đến (trong hệ thống IVB).....Miễn phí
- d. Chuyển tiền đi (ngoài hệ thống IVB)
 - i. Tiền Đồng
 - + Đến các ngân hàng trong cùng tỉnh/ thành phố
 - Dưới 500.000.000 Đồng..... 10.000 Đồng
 - Từ 500.000.000 Đồng trở lên 0,015%
..... tối đa 300.000 Đồng
 - + Đến các ngân hàng khác tỉnh / thành phố0,025%
.....tối thiểu 25.000 Đồng, tối đa 500.000 Đồng
 - + Chuyển gấp hoặc chuyển thông qua tài khoản tiền gửi tại NHNN0,025%
.....tối thiểu 25.000 Đồng, tối đa 500.000 Đồng
 - ii. Đô-la Mỹ và các ngoại tệ khác
 - Đến các ngân hàng trong cùng tỉnh / thành phố..... 2 Đô-la Mỹ
 - Đến các ngân hàng khác tỉnh / thành phố0,10%
..... tối thiểu 2 Đô-la Mỹ, tối đa 50 Đô-la Mỹ
- e. Chuyển tiền trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi gửi tiền Thu thêm phí kiểm đếm tiền mặt (mục D1)

2. Chuyển tiền quốc tế

- a. Chuyển tiền đến – TT
 - i. Cá nhân Việt Nam nhận tiền từ cá nhân ở nước ngoài0,05%
..... tối thiểu 2 Đô-la Mỹ, tối đa 50 Đô-la Mỹ
 - ii. Các trường hợp khác.....0,10%
..... tối thiểu 2 Đô-la Mỹ, tối đa 50 Đô-la Mỹ
 - b. Chuyển tiền đi – TT Từ 0,10%, căn cứ theo thỏa thuận tối thiểu 2 Đô-la Mỹ
..... cộng 10 Đô-la Mỹ điện phí
..... Phí ngân hàng đại lý do bên gửi chịu: căn cứ theo phát sinh thực tế, tối thiểu 35 Đô-la Mỹ
- Lưu ý: KHÔNG nhận lệnh chuyển có giá trị quy đổi dưới 150 Đô-la Mỹ hoặc tương đương
- c. Chi phiếu ngân hàng (bank-draft)
 - i. Phát hành bank-draft..... Từ 0,10%, căn cứ theo thỏa thuận tối thiểu 2 Đô-la Mỹ
..... cộng 10 Đô-la Mỹ điện phí
 - ii. Hủy bank-draft 25 Đô-la Mỹ

D. Các dịch vụ khác

- 1. Phí kiểm đếm tiền mặt.....Căn cứ theo chi phí phát sinh thực tế, thỏa thuận riêng

- a. Tiền Đồng.....Tối thiểu 5.000 Đồng
 - b. Đô-la Mỹ.....Tối thiểu 2 Đô-la Mỹ
 - c. Các ngoại tệ khác.....Tối thiểu 5 Đô-la Mỹ
2. Thu đếm tiền mặt tại nơi theo yêu cầu khách hàng
..... Căn cứ theo chi phí phát sinh thực tế, thỏa thuận riêng
3. Thu đổi tiền Đồng mặt không đủ tiêu chuẩn lưu thông.....4,00%
4. Séc nhờ thu gửi đi
- a. Nhờ thu trong nước
 - Cước bưu chính và phí dịch vụ20.000 Đồng / séc
 - Thanh toán kết quả nhờ thu.....Miễn phí
 - b. Nhờ thu nước ngoài
 - Cước bưu chính và phí dịch vụ Căn cứ chi phí phát sinh thực tế, thu trước 55 Đô-la Mỹ
 - Thanh toán kết quả nhờ thu.....0,10%
 - tối thiểu 5 Đô-la Mỹ, tối đa 50 Đô-la Mỹ
5. Séc nhờ thu nhận được
- Phí dịch vụMiễn phí
 - Thanh toán kết quả nhờ thu..... Căn cứ chi phí phát sinh thực tế thu theo phí chuyển tiền (mục C)
6. Thu đổi séc du lịch (tối đa 500 Đô-la Mỹ/người/ngày hoặc tương đương)
- Trả bằng tiền Đồng 1,00% tối thiểu 2 Đô-la Mỹ
 - Trả bằng ngoại tệ khác..... 2,00% tối thiểu 2 Đô-la Mỹ
7. Ứng tiền mặt cho các loại thẻ tín dụng VISA, MASTER, JCB..... 3,00% tối thiểu 2 Đô-la Mỹ
8. Lệnh thanh toán cho nhiều người hưởng cùng lúc (nhiều hơn 10 người hưởng trên 1 giao dịch)
- a. Tiền Đồng2.000 Đồng / người hưởng
..... cộng phí chuyển tiền tương ứng (mục C) mỗi người hưởng
 - b. Đô-la Mỹ 0,2 Đô-la Mỹ / người hưởng
..... cộng phí chuyển tiền tương ứng (mục C) mỗi người hưởng
9. Chuyển tiền tự động theo ủy quyền của chủ tài khoản
- a. Tiền Đồng 35.000 Đồng mỗi tháng
..... cộng phí chuyển tiền tương ứng (mục C)
 - b. Đô-la Mỹ 2 Đô-la Mỹ mỗi tháng
..... cộng phí chuyển tiền tương ứng (mục C)

E. Các dịch vụ khác

- 1. Yêu cầu cung cấp các chứng từ giao dịch
 - a. Trong vòng 6 tháng tính đến ngày cung cấp Căn cứ chi phí phát sinh thực tế, tối thiểu 5 Đô-la Mỹ
 - b. Từ 6 tháng đến 24 tháng tính đến ngày cung cấp Căn cứ chi phí phát sinh thực tế, tối thiểu 10 Đô-la Mỹ
 - c. Từ 24 tháng trở lên tính đến ngày cung cấp Căn cứ chi phí phát sinh thực tế, tối thiểu 50 Đô-la Mỹ
- 2. Xác nhận kiểm toán..... 5 Đô-la Mỹ
- 3. Xác nhận số dư 2 Đô-la Mỹ
- 4. Giấy phép mang ngoại tệ mặt 2 Đô-la Mỹ
- 5. Phát hành séc bảo chi 2 Đô-la Mỹ / séc
- 6. Các loại xác nhận khác 10 Đô-la Mỹ
- 7. Cung cấp séc trắng IVB..... 50 Cent Mỹ/ quyền
- 8. Ngưng thanh toán séc / báo séc mất..... 2 Đô-la Mỹ / séc
- 9. Chi thị sửa đổi..... Căn cứ chi phí phát sinh thực tế
..... tối thiểu 10.000 Đồng
- 10. Fax

Trong nước.....	Căn cứ chi phí phát sinh thực tế
.....	tối thiểu 5.000 Đồng
Ra nước ngoài	Căn cứ chi phí phát sinh thực tế
.....	tối thiểu 5 Đô-la Mỹ / trang
11. Các loại điện SWIFT	
Trong nước.....	5 Đô-la Mỹ
Ra nước ngoài	10 Đô-la Mỹ
12. Phí chuyển phát nhanh	
a. Trong nước	Căn cứ chi phí phát sinh thực tế
.....	tối thiểu 20.000 Đồng
b. Ra nước ngoài	
Căn cứ chi phí phát sinh thực tế, mức tối thiểu như sau:	
Khu vực Châu Á, Úc và New Zealand	tối thiểu 30 Đô-la Mỹ
Khu vực Châu Âu.....	tối thiểu 40 Đô-la Mỹ
Khu vực Bắc Mỹ	tối thiểu 40 Đô-la Mỹ
Khu vực Châu Phi	tối thiểu 50 Đô-la Mỹ
Các khu vực khác	tối thiểu 55 Đô-la Mỹ

II. DỊCH VỤ TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI

A. Nhập khẩu

1. Thư tín dụng

- a. Phát hành Từ 0,10% / tháng, căn cứ theo thỏa thuận
..... tối thiểu 1 tháng, tối thiểu 20 Đô-la Mỹ
..... cộng điện phí 30 Đô-la Mỹ
 - b. Tu chỉnh
 - i. Tăng số tiền / gia hạn Từ 0,10% / tháng, căn cứ theo thỏa thuận
..... tối thiểu 1 tháng, tối thiểu 20 Đô-la Mỹ
..... cộng điện phí 20 Đô-la Mỹ
 - ii. Khác 20 Đô-la Mỹ
..... cộng điện phí 20 Đô-la Mỹ
 - c. Thanh toán bộ chứng từ trình theo thư tín dụng
 - i. Phí thanh toán Từ 0,10%, căn cứ theo thỏa thuận
..... tối thiểu 25 Đô-la Mỹ
 - ii. Chấp nhận bộ chứng từ trả chậm Từ 0,10% / tháng, căn cứ theo thỏa thuận
..... tối thiểu 1 tháng, tối thiểu 20 Đô-la Mỹ
 - d. Hủy thư tín dụng 50 Đô-la Mỹ
2. Chứng từ nhờ thu theo phương thức D/P
- Phí dịch vụ 5 Đô-la Mỹ, cộng điện phí 20 Đô-la Mỹ
 - Phí thanh toán Từ 0,10%, căn cứ theo thỏa thuận
..... tối thiểu 2 Đô-la Mỹ
3. Chứng từ nhờ thu theo phương thức D/A
- Phí dịch vụ 10 Đô-la Mỹ, cộng điện phí 20 Đô-la Mỹ
 - Phí thanh toán Từ 0,10%, căn cứ theo thỏa thuận
..... tối thiểu 2 Đô-la Mỹ
4. Ký hậu vận đơn, ủy quyền nhận hàng theo không vận đơn 5 Đô-la Mỹ
5. Bảo lãnh giao hàng theo thư tín dụng 50 Đô-la Mỹ

B. Xuất khẩu

1. Thư tín dụng

- a. Thông báo thư tín dụng
 - i. Khách hàng IVB 10 Đô-la Mỹ
 - ii. Khách hàng ngoài hệ thống IVB 30 Đô-la Mỹ
 Phí thông báo sẽ được hoàn trả lại cùng với số tiền thu được của bộ chứng từ
 nếu chứng từ được chiết khấu tại IVB 10 Đô-la Mỹ
 - b. Thông báo tu chỉnh 10 Đô-la Mỹ
 - c. Chuyên nhượng thư tín dụng 100 Đô-la Mỹ
 - d. Thanh toán bộ chứng từ xuất khẩu trình theo thư tín dụng 0,15%
..... tối thiểu 20 Đô-la Mỹ, tối đa 500 Đô-la Mỹ
 - e. Chiết khấu bộ chứng từ trình theo thư tín dụng Tối thiểu 7 ngày, lãi suất thỏa thuận
2. Chứng từ nhờ thu theo phương thức D/P
- Phí dịch vụ 5 Đô-la Mỹ
 - Thanh toán kết quả nhờ thu 0,10%
..... tối thiểu 2 Đô-la Mỹ, tối đa 200 Đô-la Mỹ
3. Chứng từ nhờ thu theo phương thức D/A
- Phí dịch vụ 10 Đô-la Mỹ
 - Thanh toán kết quả nhờ thu 0,10%
..... tối thiểu 2 Đô-la Mỹ, tối đa 200 Đô-la Mỹ

C. Bảo lãnh ngân hàng và thư tín dụng dự phòng

- 1. Phát hành 2,00% / năm
..... Tối thiểu 25 Đô-la Mỹ miễn thuế GTGT

2. Tu chính

Tăng số tiền / gia hạn..... 2,00% / năm
.....Tối thiểu 25 Đô-la Mỹ miễn thuế GTGT
Khác..... 25 Đô-la Mỹ miễn thuế GTGT